

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIỆT XUÂN

TÊN: NGŨ VĂN

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HK1, MÔN NGŨ VĂN 8**

**NĂM HỌC 2024-2025**

*(Tài liệu tham khảo)*

## **I. VĂN BẢN**

### **1. Thơ sáu chữ, bảy chữ**

#### **a/ Khái niệm:**

- Thơ sáu chữ là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ.
- Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ.
- Mỗi bài gồm nhiều khổ, mỗi khổ thường có bốn dòng thơ và có cách gieo vần, ngắt nhịp đa dạng.

#### **b/ Vần**

Bên cạnh cách phân loại vần chân, vần lưng, vần trong thơ còn được phân loại thành vần liền và vần cách (thuộc vần chân). Vần liền là trường hợp tiếng cuối của hai dòng thơ liên tiếp vần với nhau. Vần cách là trường hợp tiếng cuối ở hai dòng thơ cách nhau vần với nhau.

#### **c/ Bố cục của bài thơ**

Bố cục của bài thơ là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ, từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ.

#### **d/ Mạch cảm xúc của bài thơ**

Mạch cảm xúc của bài thơ là sự tiếp nối, sự vận động của cảm xúc trong bài thơ.

#### **e/ Cảm hứng chủ đạo**

Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc.

#### **g/ Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học**

Khi đọc văn bản, người đọc cần huy động nhận thức, trải nghiệm, sử dụng kết hợp các giác quan để tái hiện trong tâm trí mình hình ảnh con người hay bức tranh đời sống mà nhà văn, nhà thơ đã khắc họa trong văn bản. Nhờ khả năng tưởng tượng, người đọc có thể trải nghiệm cuộc sống được miêu tả, hóa thân vào các nhân vật, từ đó cảm nhận và hiểu văn bản đầy đủ, sâu sắc hơn.

### **2. Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên**

- Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. Kiểu văn bản này thường xuất hiện trong các tài liệu khoa học.

#### **- Cấu trúc của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên gồm các phần:**

+ Phần mở đầu: giới thiệu khái quát về hiện tượng hoặc quá trình xảy ra hiện tượng trong thế giới tự nhiên.

+ Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.

+ Phần kết thúc: thường trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.

- **Cách sử dụng ngôn ngữ:** thường sử dụng từ ngữ thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa, sinh ...) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái (xoay, vỡ...), từ ngữ miêu tả trình tự (bắt đầu, kế tiếp, tiếp theo...)

## Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

- Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể:

+ So sánh và đối chiếu các đối tượng theo từng tiêu chí.

+ So sánh tổng thể các đối tượng: Người viết lần lượt trình bày biểu hiện của tất cả các tiêu chí ở từng đối tượng.

- Văn bản trình bày thông tin theo cách so sánh và đối chiếu có thể sử dụng một số từ ngữ chỉ sự giống nhau (giống, mỗi, cũng...) và khác nhau (khác với, nhưng, mặt khác...) hoặc sử dụng một số kiểu sơ đồ, bảng biểu để làm rõ thông tin được so sánh, đối chiếu.

*\* Lưu ý: Có thể trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc khác như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của thông tin (đối tượng), mối quan hệ nhân quả...*

## 3. Văn nghị luận

### a. Đặc điểm của văn nghị luận:

+ Là loại văn bản có mục đích thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình về một vấn đề nào đó.

+ Người viết trình bày ý kiến của mình về một vấn đề, sau đó sử dụng lí lẽ bằng chứng để củng cố ý kiến.

### b. Mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

+ **Ý kiến** là những nhận xét thường mang tính khẳng định hoặc phủ định.

+ **Lí lẽ:** Là cơ sở làm rõ ý kiến quan điểm của người viết, thường tập trung nêu nguyên nhân

+ **Bằng chứng** là những minh chứng làm rõ cho lí lẽ, có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu thực tế.

- **Luận đề** là vấn đề chính được nêu ra và bàn luận trong văn nghị luận.

- **Luận điểm** là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

### - Bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá chủ quan của người viết

+ Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan có thể kiểm chứng trong thực tế.

+ Ý kiến đánh giá chủ quan là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra các bằng chứng khách quan.

## 4. Truyện cười:

**a. Truyện cười** là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đã kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh, sắc sảo của tác giả dân gian.

**b. Cốt truyện:** Thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. Cốt truyện thường có sự việc bất ngờ, đầy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo tiếng cười.

**c. Bối cảnh:** Thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hóa, phong tục gắn với từng truyện.

**d. Nhân vật:** Thường có hai loại:

- Loại thứ nhất: thường là những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp

xã hội cụ thể. Đây chính là những đối tượng mà tiếng cười hướng đến. Bằng các thủ pháp trào phúng, tác giả dân gian biến các kiểu nhân vật này thành những bức chân dung hài hước, lạ đời, tạo tiếng cười vừa mang ý nghĩa xã hội vừa có giá trị thẩm mỹ.

- Loại thứ hai: Thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đã kích, những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến hoặc dùng khiêu hài hước để thể hiện niềm vui trong cuộc sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phú của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại.

#### e. Ngôn ngữ

- Thường ngắn gọn, súc tích, hài hước mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn,...

#### f. Các thủ pháp gây cười:

- Các thủ pháp gây cười khá đa dạng, linh hoạt. Một số thủ pháp thường gặp:

1. Tạo tình huống trào phúng bằng một tổng hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách:

a. Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa sự thật và giả, giữa lời nói và hành động...

b. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật, tạo nên những liên tưởng, đối sánh bất ngờ, hài hước, thú vị.

2. Sử dụng các biện pháp tu từ giàu hình ảnh trào phúng (lời khoa trương, phóng đại, chơi chữ,...)

#### 5. Hài kịch

a. **Hài kịch** là thể loại dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lỗi bịch, lỗi thời của con người.

#### b. Đặc điểm của hài kịch

- **Nhân vật của hài kịch:** là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho thói hư, tật xấu hay sự thấp kém. Tính cách của nhân vật được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày phê phán cái xấu.

- **Hành động trong hài kịch:** là toàn bộ hành động của các nhân vật (lời thoại, điệu bộ, cử chỉ) tạo nên nội dung của tác phẩm. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng khác nhau. Các hành động đều dẫn đến xung đột và giải quyết xung đột từ đó thể hiện chủ đề.

- **Xung đột kịch:** nảy sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực. Xung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cái thấp kém.

- **Lời thoại:** là lời của các nhân vật nói với nhau (đối thoại) nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bàn thoại). Lời thoại góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.

- **Lời chỉ dẫn sân khấu:** là những chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch nhằm hướng dẫn gợi ý về cách bài trí, xử lý âm thanh, ánh sáng, việc ra vào sân khấu của diễn viên cùng trang phục, hành động, cử chỉ của họ...

- **Thủ pháp trào phúng:** các thủ pháp thường sử dụng như phóng đại tính phi logic, không hợp tình thế trong hành động của nhân vật, thủ pháp tăng tiến, giễu nhại, mỉa mai, nói nói hóm hỉnh, chơi chữ nói nói nghịch lý....

## II. PHẦN TIẾNG VIỆT

### 1. Từ tượng hình và từ tượng thanh

#### a/ Khái niệm:

- Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật, chẳng hạn: *gập ghềnh, khăng khieu, lom khom...*

- Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế, chẳng hạn: *khúc khích, róc rách, tích tắc...*

### **b/ Tác dụng:**

- Từ tượng hình và từ tượng thanh mang giá trị biểu cảm cao; có tác dụng gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, âm thanh một cách sinh động và cụ thể; thường được sử dụng trong các sáng tác văn chương và lời ăn tiếng nói hằng ngày.

## **2. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.**

### **a/ Khái niệm đoạn văn:**

- Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều câu tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.

### **b/ Cách trình bày đoạn văn:**

- Đoạn văn diễn dịch: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.

- Đoạn văn quy nạp: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.

- Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.

- Đoạn văn phối hợp: là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.

## **3. Từ Hán Việt**

**a. Yếu tố Hán Việt:** các tiếng tạo nên từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt.

**b. Từ Hán Việt:** là từ vay mượn của tiếng Hán nhưng được đọc theo cách phát âm của Tiếng Việt. Ví dụ: vô tình, hữu duyên, băng hữu . . .

## **4. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**

**a. Nghĩa tường minh** là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.

**b. Nghĩa hàm ẩn** là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập.

- Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hằng ngày.

Ví dụ: Có công mài sắt có ngày nên kim. (tục ngữ)

Nghĩa tường minh: nếu bỏ công sức ra mài một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim.

Nghĩa hàm ẩn: nếu kiên trì, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách thì có ngày sẽ thành công.

### **c. Từ toàn dân và từ ngữ địa phương:**

- **Từ ngữ toàn dân** là từ ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.

- **Từ ngữ địa phương** là từ chỉ được sử dụng ở một số địa phương nhất định.

- Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thực, sinh động hơn.

Ví dụ: Bắp – Ngô, Má – Mẹ . . .

## **6. Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ:**

### **a. Trợ từ**

- *Trợ từ* là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu. Ví dụ: những, có, chính, đích, ngay, nhỉ, nhé, nha, ghen . . .

- Trợ từ không có vị trí cố định trong câu. Có thể chia thành hai loại trợ từ:

+ *Trợ từ nhấn mạnh* (*những, có, chính, mỗi, ngay, . . .*): thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.

Ví dụ: Má đưa cho tôi **những** mười tờ một trăm, bảo mua ngay một chồng vở mới.

“*Những*” trong câu trên là trợ từ, có chức năng nhấn mạnh mức độ về lượng nhiều hơn mức cần có hay mong đợi.

+ *Trợ từ tình thái* (tiêu từ tình thái) (*à, a, nhỉ, nhé, nha, ghen, đấy, này . . .*): thường đứng ở đầu và cuối câu, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn, câu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói.

Ví dụ: Bác này lí luận hay **nhỉ**?

“*Nhỉ*” trong câu trên là trợ từ tình thái, biểu thị ý mỉa mai, đứng ở cuối câu cảm thán.

### **b. Thán từ:**

- *Thán từ* là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thán từ:

+ *Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc* (*a, á, ô, ôi, ối, chà . . .*): dùng để bộc lộ các trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi . . .)

Ví dụ: Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “**A!** Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế à?”

+ *Thán từ gọi đáp*: (*oi, dạ, vâng, ừ, . . .*)

Ví dụ: - **Dạ**, bẩm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.

Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dung kèm thao ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt, . . . tương ứng với tình cảm, cảm xúc mà thán từ biểu thị.

## **III. PHẦN TẬP LÀM VĂN**

### **1. VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ TỰ DO**

#### **Khái niệm:**

Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do là đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người đọc về một bài thơ tự do (thể thơ mà người viết không bị ràng buộc vào các quy tắc về số câu, số chữ, số dòng, cách gieo vần...khi sáng tác).

#### **Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do:**

- Trình bày cảm nghĩ của người viết về một bài thơ tự do

- Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để cảm nhận nhạc điệu được thể hiện qua cách gieo vần, ngắt nhịp...

- Xác định những cái hay của bài thơ về nội dung và nghệ thuật (cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, nhạc điệu, cách sắp xếp bố cục...)

- Ghi lại những cảm xúc và suy nghĩ mà bài thơ gợi cho em theo cấu trúc của đoạn văn.

#### **DÀN Ý CHUNG**

\* **Mở đoạn:** Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề).

#### \* **Thân đoạn:**

- Trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ;

- Làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.

\* **Kết đoạn:** Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với người viết.

**Đề tham khảo.**

**Đề 1: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nghĩ của em về đoạn thơ sau:**

**NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG (Tế Hanh)**

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc  
Nước gương trong soi tóc những hàng tre  
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè  
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng  
Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng  
Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi?  
Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!  
Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ  
Sông của quê hương, sông của tuổi trẻ  
Sông của miền Nam nước Việt thân yêu*

**Đề 2: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nghĩ của em về bài thơ sau:**

**DẶN CON (Trần Nhuận Minh)**

*Chẳng ai muốn làm hành khất  
Tội trời đày ở nhân gian  
Con không được cười giễu họ  
Dù họ hôi hám úa tàn*

*Nhà mình sát đường, họ đến  
Có cho thì có là bao  
Con không bao giờ được hỏi  
Quê hương họ ở nơi nào*

*Con chó nhà mình rất hư  
Cứ thấy ăn mày là cắn  
Con phải răn dạy nó đi  
Nếu không thì con đem bán*

*Mình tạm gọi là no ấm  
Ai biết cơ trời vẫn xoay  
Lòng tốt gửi vào thiên hạ  
Biết đâu nuôi bố sau này..*

**Đề 3: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nghĩ của em về đoạn thơ sau:**

**NHỮNG CÁNH BUỒM (Hoàng Trung Thông)**

*Hai cha con bước đi trên cát  
Ánh mặt trời rục rờ biển xanh  
Bóng cha dài lênh khênh  
Bóng con tròn chắc nịch,*

*Sau trận mưa đêm rả rích  
Cát càng mịn, biển càng trong  
Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng  
Nghe con bước, lòng vui phơi phới.*

**Đề 4: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nghĩ của em về bài thơ sau:**

<p><i>Quê hương là gì hở mẹ Mà cô giáo dạy phải yêu Quê hương là gì hở mẹ Ai đi xa cũng nhớ nhiều</i></p> <p><i>Quê hương là chùm khế ngọt Cho con trèo hái mỗi ngày Quê hương là đường đi học Con về rợp bướm vàng bay</i></p> <p><i>Quê hương là con diều biếc Tuổi thơ con thả trên đồng Quê hương là con đò nhỏ Êm đêm khua nước ven sông</i></p>	<p><i>Quê hương là cầu tre nhỏ Mẹ về nón lá nghiêng che Là hương hoa đồng cỏ nội Bay trong giấc ngủ đêm hè</i></p> <p><i>Quê hương là vàng hoa bí Là hồng tím giậu mồng tơi Là đò đôi bờ dâm bụt Màu hoa sen trắng tinh khôi</i></p> <p><i>Quê hương mỗi người chỉ một Như là chỉ một mẹ thôi Quê hương nếu ai không nhớ... (Đỗ Trung Quân, Bài học đầu cho con, In trong <i>Cỏ hoa cần gặt</i>, 1991)</i></p>
---	--

## 2. VIẾT BÀI VĂN

### 2.1 VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

#### Khái niệm:

Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thuộc kiểu văn bản thông tin, được viết để cung cấp thông tin cho người đọc về nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.

#### Yêu cầu đối với kiểu văn bản:

- Giới thiệu khái quát hiện tượng tự nhiên cần giải thích.
- Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.
- Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của đối tượng, mối quan hệ nhân quả hoặc so sánh, đối chiếu.
- Trình bày mạch lạc, thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.

#### DÀN Ý CHUNG

1. **Mở bài:** Giới thiệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn trình bày.

2. **Thân bài:**

- Khái niệm về hiện tượng
- Vì sao hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện.
- Hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện như thế nào?
- Hiện tượng tự nhiên đó kết thúc như thế nào? Gây nên kết quả gì
- Nhận xét:
- + Hiện tượng tự nhiên đó có diễn ra thường xuyên không?
- + Hiện tượng tự nhiên đó có ảnh hưởng, tác động tốt/xấu gì cho con người hay không?
- + Một số giải pháp phòng tránh/ Cách quan sát hiện tượng...

3. **Kết bài:**

- Tóm tắt lại nội dung đã giải thích.
- Khái quát lại về hiện tượng tự nhiên đó.

## DÀN Ý THAM KHẢO

### Đề 1: Viết bài văn thuyết minh giải thích hiện tượng sóng thần.

#### a/ Mở bài:

- Dẫn dắt để giới thiệu về hiện tượng
- Sóng thần là một trong số những hiện tượng tự nhiên nguy hiểm, gây ra nhiều hậu quả nặng nề đối với đời sống của con người.

#### b/ Thân bài:

##### \* Sóng thần là gì?

- Sóng thần (tsunami) là một loạt các đợt sóng tạo nên khi một thể tích lớn của nước đại dương bị chuyển dịch chớp nhoáng trên một quy mô lớn.

##### \* Nguyên nhân và cơ chế hình thành sóng thần

- Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu là do động đất. Ngoài ra còn do núi lửa phun trào, lở đất và các vụ nổ dưới đáy biển...
- Sóng thần được hình thành là do sự thay đổi của mảng kiến tạo gây ra một trận động đất và làm dịch chuyển nước biển...
- Những con sóng được tạo ra và di chuyển ra mọi hướng trên biển, một số con sóng di chuyển nhanh...
- Khi vào vùng nước nông, những con sóng bị nén ép lại, tốc độ chậm hơn và trở nên cao hơn

##### \* Các đặc điểm của sóng thần

- Tốc độ di chuyển của các cột sóng cực lớn, có thể lên đến 800km/h
- Độ cao của cột sóng ở vùng nước nông có thể cao hơn 30 mét hoặc hơn.
- Đặc tính của sóng thần là sóng nước nông, cơn sóng thần khi đổ bộ vào đất liền chủ yếu là sóng thần nước nông.
- Sóng thần có chu kỳ từ 10 – 120 phút, bước sóng có thể lên đến 500km
- Sức tàn phá của sóng thần là cực kỳ lớn, có thể phá hủy cả một thành phố, kéo dài cả ngàn km.

##### \* Dấu hiệu của một đợt sóng thần sắp tới

- Cảm thấy động đất. Nếu cảm thấy nền đất rung lắc mạnh đến mức không còn đứng vững được, thì nhiều khả năng sẽ xảy ra một trận sóng thần.
- Các bong bóng chứa khí gas nổi lên mặt nước
- Nước trong sóng nóng bất thường, có mùi trứng thối hay mùi xăng, dầu.
- Nghe thấy một tiếng nổ như là: tiếng máy nổ của máy bay phản lực, tiếng ồn của cánh quạt máy bay trực thăng, hay là tiếng huyết sáo.
- Biển lùi về sau một cách đáng chú ý. Mây đen vần vũ đầy trời. Vệt sáng đỏ ở đường chân trời.
- Khi sóng thần ập vào bờ, sẽ có tiếng gầm rú giống như chuyến tàu hỏa đang đến gần.
- Hàng triệu con chim hải âu bay ngược biển.
- Nhiều đất nước khi có sóng thần, thường hay có những tiếng còi cảnh báo rú lên.

##### \* Tác hại của sóng thần

- Sóng thần là những cột nước cao hàng chục mét, cần quét mọi thứ xung quanh chúng ta, gây ra nhiều thiệt hại không thể lường trước được. Ảnh hưởng của sóng thần vô cùng nặng nề.
- Vùng chịu thiệt hại nặng nề nhất của sóng thần đó là vùng ven biển, có chiều cao thấp hơn 15 mét so với nước biển. Bên cạnh đó, vùng vịnh có cửa biển hẹp sẽ chịu tác động lớn hơn do sức mạnh của sóng thần được khuếch đại hơn.

##### \* Biện pháp ngăn chặn sóng thần



- Hiểu biết về sóng thần để biết rằng khi mực nước rút xuống lần đầu tiên, mức độ nguy hiểm sóng thần mang lại chưa hề qua.
  - Những khu vực có nguy cơ sóng thần xảy ra cần có những hệ thống cảnh cáo để người dân nắm được.
  - Một số biện pháp giảm bớt như xây dựng bức tường chắn sóng cao trước biển, trồng cây dọc bờ biển,..
  - Khi tàu thuyền đang ở trên biển, nếu nhận được tin cảnh báo cần quay trở lại càng nhanh chóng, hoặc di chuyển tàu thuyền đến những vùng nước sâu, không ở lại trên tàu đang neo đậu.
  - Nếu đang ở trên bãi biển, cần quay vào khu vực an toàn một cách nhanh nhất, báo cho mọi người biết để sơ tán kịp thời.
- c/ Kết bài:** Nêu khái quát và nhận định của bản thân về hiện tượng sóng thần.

## **2.2 VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **DÀN Ý CHUNG**

**a/ Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận ( thường dùng một câu- câu này mang tính khái quát thông tin của đề bài)

Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối

**b/ Thân bài:**

\* Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận (nếu có)

\* Bàn luận:

- Thực trạng
- Nguyên nhân.
- Hậu quả.
- Giải pháp.

**c/ Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề.
- Nêu bài học rút ra từ vấn đề bàn luận

### **DÀN Ý THAM KHẢO**

**Đề 1: Viết bài văn nghị luận về vấn đề nghiện mạng xã hội.**

**a/ Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận

**b/ Thân bài**

\* **Giải thích**

- Mạng xã hội có thể hiểu là một trang web hay nền tảng trực tuyến với rất nhiều dạng thức và tính năng khác nhau, giúp mọi người dễ dàng kết nối từ bất cứ đâu. Giúp mọi người kết nối dễ dàng với nhau không bị ngăn cách bởi khoảng cách địa lý; tra cứu các thông tin cần thiết một cách nhanh chóng . . .

- Nghiện mạng xã hội là hiện tượng bạn dành ra quá nhiều thời gian cho các mạng kết nối trực tuyến, ít hoặc không tương tác với thế giới thật bên ngoài.

\* **Thực trạng**

- Theo thống kê từ Google, tính đến tháng 6 năm 2023, có 79% người dùng internet tại Việt Nam sử dụng mạng xã hội. Thời lượng trung bình một người dành ra trong một ngày để sử dụng mạng xã hội là 2h52p và gần 45% người dùng ở độ tuổi 18 - 34 kiểm tra mạng xã hội của mình ngay khi thức dậy cũng như trước khi ngủ.

- Với nhiều người, mạng xã hội là một thứ không thể thiếu; một thói quen không kiểm soát nổi.

- Quên thời gian, xao lãng ăn uống và ngủ; tức giận, căng thẳng, bồn chồn khi không thể truy cập mạng xã hội; biểu hiện trầm cảm, hay cáu giận và tách biệt với xã hội.
- Nghiện mạng xã hội – một hành vi gây căng thẳng cho cuộc sống của chính nạn nhân và cho cả gia đình, bạn bè, đồng nghiệp – là một căn bệnh tâm lí đang lan tràn trên toàn thế giới.

#### \* Nguyên nhân

- Do nhu cầu của con người: muốn kết nối với bạn bè, người thân, chia sẻ những khoảnh khắc, kỉ niệm của mình.
- Trên mạng xã hội, người sử dụng thoải mái được bày tỏ ý kiến mà không sợ bị kiểm soát
- Người sử dụng có thể dùng mạng xã hội để che dấu bản thân, sống ảo với nhiều người khác, là một con người khác nên họ thích sử dụng mạng xã hội nhiều hơn
- Mạng xã hội là nơi có nhiều người được nổi tiếng, khiến nhiều người ham muốn được nổi tiếng mà sử dụng nhiều hơn, thường xuyên hơn

#### \* Tác hại

- Ảnh hưởng đến sức khỏe:
  - + Mỏi mắt, mất ngủ, suy giảm thị lực.
  - + Ảnh hưởng đến hệ thần kinh, tâm lý: stress, lo âu, trầm cảm,...
- Ảnh hưởng đến học tập, công việc:
  - + Giảm sút kết quả học tập, hiệu quả công việc.
  - + Vì quá mê mẫn Internet mà các con nghiện xao lãng chuyện học hành, thậm chí bỏ học.
  - + Mất tập trung, hay quên.
- Ảnh hưởng đến các mối quan hệ:
  - + Giảm tiếp xúc với gia đình, bè bạn, sống cô lập trước màn hình máy tính, lặn vào những "chat room" hay chơi những trò chơi bạo lực.
  - + Mất đi các mối quan hệ xã hội.
  - + Dễ xảy ra mâu thuẫn trong gia đình.

#### \* Giải pháp

- Cá nhân phải tự ý thức được bản thân mình, sử dụng mạng xã hội với thời gian hợp lí. Chủ động tham gia các phong trào, hoạt động ngoại khóa.
- Gia đình quan tâm đến con em mình hơn nữa. Quản lý thời gian sử dụng điện thoại di động của con em mình hợp lý hơn.
- Nhà trường tạo những sân chơi, hoạt động thể dục thể thao.
- Nhà nước phải đưa ra các chính sách sử dụng phù hợp và quản lý chặt chẽ các trường hợp xấu.

#### \* Liên hệ bản thân

##### c/ Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề.
- Nêu cảm nghĩ, hành động của bản thân em.

## **Đề 2: Viết bài văn nghị luận về vấn đề xả rác**

a/ *Mở bài:* Giới thiệu vấn đề “xả rác bừa bãi”

##### b/ *Thân bài*

#### \* **Nêu vấn đề**

- Xả rác hay xả rác bừa bãi là hành động xả rác không đúng nơi quy định, không đúng chỗ, gây nên ô nhiễm môi trường.

- Bất cứ lúc nào có rác là xả, mọi nơi mọi lúc.
- Xả rác theo thói quen, tiện đâu xả đó, không cần biết chỗ mình là ở đâu, thùng rác nằm ở chỗ nào.

**\* Thực trạng**

- Hành động xả rác bừa bãi ra cầu, cống, đường xá bị ô nhiễm nghiêm trọng
- Những khu du lịch, du khách tiện đâu xả đó, không quan tâm đến địa điểm hay mức độ của nó.
- Ngay cả trên xe buýt, ngay thùng rác cũng không thém đẽ vào đúng nơi đúng chỗ

**\* Nguyên nhân**

- Do sự thiếu ý thức của mỗi người trong cuộc sống
- Thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác.
- Việc xử lí vi phạm còn nhẹ, chưa thường xuyên.

**\* Tác hại**

- Hành động này sẽ gây ô nhiễm môi trường, bên cạnh đó còn phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.
- Xả rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.
- Gây tổn hại tiền của cho nhà nước.
- Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại.

**\* Giải pháp**

- Tuyên truyền giáo dục và nâng cao ý thức người dân trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng.
- Tổ chức các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh, ...
- Có biện pháp xử lí nghiêm khắc đối với những trường hợp xả rác bừa bãi.

**c/ Kết bài:**

- Nêu suy nghĩ của bản thân về “xả rác bừa bãi”
- Tuyên truyền và động viên mọi người trong việc bảo vệ môi trường.

**2.3. VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

- **Bài văn kể lại một hoạt động xã hội** thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong bài văn đó, người viết kể lại các sự việc của hoạt động xã hội mà mình đã tham gia, có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này để tăng sự sinh động cho bài viết.

**- Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**

- Kể lại một hoạt động xã hội theo ngôi thứ nhất.
- Nêu được các thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động.
- Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí.
- Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.

**DÀN Ý CHUNG**

**a/ Mở bài:** Giới thiệu hoạt động xã hội sẽ kể

**b/ Thân bài:**

1. Nêu những thông tin khái quát về hoạt động xã hội: Đơn vị tổ chức, thời gian, địa điểm, mục đích hoạt động...
2. Kể lại các sự việc theo trình tự hoạt động: kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm.

- Sự việc 1
- Sự việc 2
- Sự việc ...

**c/ Kết bài:**

- Khẳng định giá trị của hoạt động.
- Nêu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của bản thân về hoạt động đã tham gia.

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**a) Mở bài:**

- Giới thiệu hoạt động xã hội mà em muốn kể: Chuyên đi thăm và tặng quà cho các bạn nhỏ ở vùng khó khăn.

**b) Thân bài:**

*\* Nêu khái quát thông tin của hoạt động:*

- Đây là hoạt động thường niên của Thành phố vào đầu năm học mới.
- Mục đích của chuyến đi: thăm hỏi, tặng quà (là các bộ quần áo và đồ dùng học tập) cho các bạn nhỏ vùng khó khăn, giúp các bạn có một năm học mới trọn vẹn hơn.

*\* Kể lại diễn biến sự việc:*

- Chiều trước đó, tập trung ở nhà văn hóa để cùng nhau sắp xếp quà thành từng túi, lắng nghe dặn dò của ban quản lý chuyến đi
- Sáng hôm sau, đúng 6h30p có mặt ở sân nhà văn hóa, trang phục gọn nhẹ để bắt đầu hành trình
- Tranh thủ ăn sáng ở trên xe với các bạn, ca hát, trò chuyện vui vẻ khi xe di chuyển
- 8h30p, có mặt ở điểm trường, nơi diễn ra hoạt động tặng quà
- Nhanh chóng xuống xe, trang trí cho sân trường, sắp xếp các phần quà theo thứ tự, để tránh nhầm lẫn hoặc phát thiếu quà
- 8h, các bạn nhỏ lần lượt có mặt, nhiều bạn mặc áo quần rách, mặc mũi lem luốc...
- Nhóm đón các bạn nhỏ hướng dẫn các bạn xếp thành hàng thẳng, di chuyển vào bên trong theo thứ tự
- Căn cứ vào chiều cao, cân nặng, chúng em ở bên trong chọn các túi quà đựng quần áo có kích cỡ phù hợp để trao tặng cùng các dụng cụ học tập
- Em liên tục phải di chuyển và nói thật lớn để trao đổi với nhóm đứng ở phía ngoài nên khá đau lưng và cổ họng, nhưng vẫn rất vui vẻ vì giúp đỡ cho mọi người
- Kết thúc phần phát quà, chúng em chuẩn bị một bữa tiệc nhỏ với các món bánh kẹo, các bạn nhỏ hào hứng mặc ngay áo quần vừa được phát rồi ngồi nhận bánh kẹo
- Nhìn các bạn nhỏ vui sướng như vậy, em quên hết cả mệt mỏi
- Đến 14h30 chiều, em và mọi người trong đoàn mới được ăn trưa, đó là những miếng bánh mì khô và nước khoáng, nhưng ai cũng vui vẻ
- Ăn xong, chúng em hỗ trợ các thầy cô quét dọn, làm cỏ sạch sẽ điểm trường, các anh thanh niên còn hỗ trợ kiểm tra và sửa lại hệ thống dây, đèn điện
- 17h, chúng em lên xe trở về nhà văn hóa, trên xe ai cũng ngủ say vì rất mệt
- Gần 18h, chúng em về đến nhà văn hóa, nhanh chóng báo cáo công việc rồi trở về nhà

**c) Kết bài:**

- Ý nghĩa của sự việc:
- + Lan tỏa tình yêu thương đến các bạn nhỏ có hoàn cảnh khó khăn

+ Giúp các thầy cô ở điểm trường dọn dẹp, trang hoàng trường học để đón một năm học mới

- Cảm nghĩ của em về hoạt động: tự hào và xúc động trước hoạt động ý nghĩa

## CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

- Thời gian: 90 phút

- Hình thức: Tự luận 100%

### I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Gồm 5 câu hỏi

**Câu 1** (0.5 điểm) nhận biết

**Câu 2** (0.5 điểm) nhận biết

**Câu 3** (1.0 điểm) thông hiểu

**Câu 4** (1.0 điểm) thông hiểu

**Câu 5** (1.0 điểm) vận dụng

### II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Gồm 2 câu

**Câu 1** (2.0 điểm): Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do

**Câu 2** (4.0 điểm): Viết bài văn (Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc Nghị luận về một vấn đề đời sống hoặc Kể lại một hoạt động xã hội)

## ĐỀ THAM KHẢO

### Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

#### HAI KIỂU ÁO

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luôn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?

Quan lớn ngạc nhiên:

- Nhà người biết để làm gì?

Người thợ may đáp:

- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.

Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo:

- Thế thì nhà người may cho ta cả hai kiểu.

(Theo Trường Chính - Phong Châu)

**Câu 1.** (0,5 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại nào?

**Câu 2.** (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

**Câu 3.** (1.0 điểm) Nêu nội dung chính của văn bản trên?

**Câu 4.** (1.0 điểm) Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu “... Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.” là gì?

**Câu 5** (1,0 điểm). Từ văn bản trên, em hãy rút ra những thông điệp có ý nghĩa cho bản thân?

